TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 211/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 12 - 2022
V/v tranh chấp: "Hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Nguyên.
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 428/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp *"Hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 488/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Cẩm Thu, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Số 88/2, tổ 3, đường Bùi Văn Danh, khóm Tây Khánh 2, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang; có yêu cầu vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số 882B/45, khóm Bình Khánh 1, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 09/9/2022; quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trần Thị Cẩm Ttrình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn T1 tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau; được sự chấp thuận của gia đình nên ông bà tổ chức lễ cưới vào tháng 4 năm 2010 dưới sự chứng kiến của cha mẹ hai bên. Sau đó đến ngày 11/3/2011, ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45/2011, Quyển số 01/2011 ngày 11/3/2011 của UBND phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp cho ông

Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị Cẩm Thu. Hôn nhân lần thứ nhất của ông bà. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp; ông T1 không chăm lo làm ăn và không chia sẻ cùng bà công việc gia đình nên ông bà đã chính thức ly thân từ tháng 12 năm 2015 đến nay.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Minh Bảo, sinh ngày 11/7/2011. Hiện nay con chung đang sinh sống cùng bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung; không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ttrình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nhận thấy tình cảm của bà dành cho ông T1 không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T1. Về con chung, bà yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung; không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn T1 đã được tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập ông T1 đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông T1 vẫn vắng mặt, không rõ lý do.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án,

Nguyên đơn bà Trần Thị Cẩm Tcó Đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 25/11/2022 với lý do bận công việc.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do.

Tại Biên bản lấy lời khai của con chung Nguyễn Minh Bảo do Tòa án lập vào ngày 10/11/2022, có nội dung thể hiện nguyện vọng của cháu Bảo là mong muốn Tòa án xem xét cho cháu được tiếp tục chung sống với mẹ là bà Trần Thị Cẩm Ttrong trường hợp Tòa án chấp nhận cho bà Tđược ly hôn ông T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Trần Thị Cẩm Tkhởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1 và có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền nuôi con chung nên quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là *"Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn trong vụ án là ông Nguyễn Văn T1 có nơi cư trú tại số 882B/45, khóm Bình Khánh 1, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang nên

căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho ông T1 theo quy định tại Điều 171, Điều 175, Điều 177 và Điều 179 BLTTDS nhưng ông T1 vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của ông T1 không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông và cũng không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông T1 là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

Bà Tcó yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà Tlà phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 BLTTDS.

Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà Tvà ông T1.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Tvà ông T1 tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau; được sự chấp thuận của gia đình nên ông bà tổ chức lễ cưới vào tháng 4 năm 2010 dưới sự chứng kiến của cha mẹ hai bên. Sau đó đến ngày 11/3/2011, ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Hôn nhân lần thứ nhất của ông bà. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp; ông T1 không chăm lo làm ăn và không chia sẻ cùng bà công việc gia đình nên ông bà đã chính thức ly thân từ tháng 12 năm 2015 đến nay.

Chứng minh cho lời trình bày, bà Tcung cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 45/2011, Quyển số 01/2011, ngày 11/3/2011 của UBND phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp cho ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị Cẩm Thu; Giấy khai sinh của con chung Nguyễn Minh Bảo, sinh ngày 11/7/2011. Như vậy, bà Tđã thực hiện nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của BLTTDS. Ngược lại, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng ông T1 vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham dự phiên tòa, không cung cấp bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 BLTTDS. Do đó, lời trình bày và chứng cứ mà bà Tcung cấp là cơ sở để Tòa án xác định hôn nhân giữa bà Tvà ông T1 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận nhưng vì mâu thuẫn gia đình không thể hàn gắn làm cho vợ chồng không còn chung sống, không quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau kể từ tháng 12 năm 2015 đến nay là có thật; cho thấy ông bà đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Tcó yêu cầu được ly hôn ông T1 là hoàn toàn phù

hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được HĐXX chấp nhận.

Về quan hệ con chung: Bà Txác định quá trình chung sống, bà với ông T1 có một con chung tên Nguyễn Minh Bảo, sinh ngày 11/7/2011. Xét thấy, từ khi vợ chồng không còn chung sống cho đến nay, con chung sống cùng mẹ là bà Thu; dưới sự chăm sóc, giáo dục của bà Tthì con chung sinh sống ổn định và phát triển bình thường, cho thấy bà Tcó đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Do đó, việc bà Tyêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con chung là phù hợp với nguyện vọng của con chung và hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Tòa án chấp nhận. Ngoài ra, theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì sau khi ly hôn, ông T1 vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do bà Tkhông yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Tuy nhiên, vì quyền lợi của con, khi cần thiết một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng cho con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Ttrình bày không có; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Tphải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Tđã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai Ttạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000839 ngày 04/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Ông T1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 Điều 91; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; Điều 54; khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 58, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Thị Cẩm Tđược ly hôn với ông Nguyễn Văn T1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 45/2011, Quyển số 01/2011, ngày 11/3/2011 của UBND phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp cho ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị Cẩm Thết hiệu lực kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Tđược quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Nguyễn Minh Bảo, sinh ngày 11/7/2011 cho đến khi con chung thành niên, trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định pháp luật. Ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do bà Tkhông yêu cầu.

Bà Tcùng các thành viên trong gia đình phải tạo điều kiện cho ông T1 được thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cấm. Việc nuôi con chung không cố định. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng cho con.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Tphải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai Ttạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000839 ngày 04/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Ông T1 không phải chịu án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TP Long Xuyên;
- CCTHADS TP Long Xuyên;
- Các đương sự;
- UBND phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng.

Nguyễn Thị Xuân T